TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-6-2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Năng Long;

2. Ông Nguyễn Thế Vinh;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: **32**/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Hoàng Thị Kiều T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn**: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị Kiều T trình bày:

Bà Hoàng Thị Kiều T (nguyên đơn) và ông Nguyễn Văn L (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian hạnh phúc thì đến đầu năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng

nói chung. Hiện tại vợ chồng sống ly thân từ ngày 15/02/2023 cho đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 05/02/2017 và cháu Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 10/08/2019, hiện tại các cháu đang ở cùng nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Minh Đ cho đến khi đủ tuổi thành niên, đồng thời giao cháu Nguyễn Hoàng Anh T1 cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho bị đơn tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc ở Tòa án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 05/02/2017 cho bị đơn nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 10/08/2019 cho nguyên đơn nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại Thôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ

lý, giải quyết và xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 18/12/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đến đầu năm 2023 giữa nguyên đơn và bị đơn thường phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bị đơn để tham gia tố tụng, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng bị đơn đều vắng mặt là từ bỏ quyền chứng minh và không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân với nguyên đơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 05/02/2017 và cháu Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 10/08/2019. Nguyện vọng của cháu T1 là muốn được ở với bị đơn, còn cháu Đ hiện đang ở với nguyên đơn và được nguyên đơn chăm sóc chu đáo. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho nguyên đơn nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Kiều T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Kiều T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 05/02/2017 cho ông Nguyễn Văn L nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 10/08/2019 cho bà Hoàng Thị Kiều T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0017949 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Định